

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2020

*“V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tấn;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Anh Đào;

Bà Ngô Thị Oanh Kiều;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2020 về *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Ca X, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lữ Thanh Đ, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thạch Thị Ca X trình bày:* Vào năm 2000, do quen biết trước nên chị và anh Lữ Thanh Đ có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/02/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng tại khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi nhau do anh Đ không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh còn có tính ghen tuông vô cớ, thường nhậu nhẹt say xỉn về kiểm chuyện chửi bới vợ rất thậm tệ, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm chị, anh Đ còn đánh đập chị rất nhiều lần, vì muốn giữ hạnh phúc gia đình

nên cố gắng chịu đựng mong ngày anh thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Trước đây chị có gửi đơn khởi kiện một lần, vì gia đình nên chị đã rút đơn khởi kiện ly hôn để tạo điều kiện hàn gắn. Đến nay nhận thấy giữa vợ chồng chị không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001, nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn lại người con Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013 tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 16/6/2020 và quá trình tố tụng bị đơn anh Lữ Thanh Đ trình bày:* Về thời gian kết hôn và chung sống, con chung anh thống nhất như lời trình bày của chị Ca X. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn anh thống nhất như lời trình bày của chị Ca X, có lúc do anh say rượu, cũng có nhiều lần anh về chửi mắng vợ con, có lúc do quá nóng giận nên anh cũng có đánh vợ anh một hai bạt tay, về phần vợ anh trình bày là anh ghen tuông vô cớ do anh vì quá thương vợ, nên anh mới ghen, nay những gì vợ anh không thích thì anh sẵn sàng sửa đổi mong chị Ca X bỏ qua để đoàn tụ gia đình để con có đủ cha, đủ mẹ nên với yêu cầu ly hôn của chị Ca X thì anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ, thương con. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn lại người con Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013 tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Lữ Thị Trinh Đ có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Ca X.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Về thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng xác định đúng quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 68; Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng trình tự tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thu thập chứng cứ đúng trình tự tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các Điều 177, 196, 208, 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đối với người tham gia tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự;

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh Đ. Về con chung tên Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn lại người con Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013 giao cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, do chị X không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra cũng như xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu giải quyết của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt đương sự nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Những tình tiết các đương sự thống nhất, không phải chứng minh:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Ca X và anh Lữ Thanh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có giao nộp cho Tòa án bản sao trích lục kết hôn số 229/TLKH-BS ngày 04/11/2019, đã đăng ký kết hôn ngày 16/02/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Về con chung có 02 người con gồm: tên Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn người con Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013 tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ca X và anh Đ thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn. Bị đơn anh Đ không đồng ý ly hôn. Nhận thấy giữa các đương sự không

thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Hội đồng xét xử nhận định:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị X và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có hạnh phúc, sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường cãi nhau, hai bên sống ly thân đến nay, có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên đoàn tụ nhưng chị X cương quyết vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Đ. Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù anh Đ có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng trong khoảng thời gian giải quyết vụ án anh Đ không thuyết phục được chị X tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn, xác định hai vợ chồng đã sống ly thân đã lâu, việc mâu thuẫn như các bên đã trình bày và không còn sống chung, chị X đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh và nuôi dưỡng hai đứa con. Còn anh Đ sống tại địa phương.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị X, anh Đ đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được, quan hệ hôn nhân đã thật sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Đ cũng thừa nhận bản thân có lỗi với chị X, anh Đ xin được đoàn tụ và sẽ sửa lỗi nhưng chị X vẫn không chấp nhận đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

*Về con chung:* Chị Ca X và anh Đ thống nhất có 02 người con chung tên Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001 và Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013. Quá trình giải quyết vụ án chị Ca X và anh Đ điều thống nhất Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013 tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trinh Đ có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Ca X. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Chị Thạch Thị Ca X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lữ Thanh Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 51; 53; 54; 56; 57; 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Ca X đối với anh Lữ Thanh Đ.

2. *Về con chung*: tên Lữ Thị Thúy Tr, sinh ngày 26/12/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn người con Lữ Thị Trinh Đ, sinh ngày 27/4/2013 giao cho chị Ca X được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Thạch Thị Ca X phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009584, ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã nộp xong. Anh Lữ Thanh Đ không phải chịu án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Văn Tấn**